

Số: 868 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện
Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Đề án số 395/ĐA-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh An Giang (mới) năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1455/STC-THQH ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc phê duyệt Quyết định ban hành Kế hoạch phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, nội dung nêu tại Kế hoạch này và định kỳ hằng quý, 6 tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các địa phương thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH An Giang; Báo An Giang;
- VPUB: LĐVP, các phòng thuộc Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước

KẾ HOẠCH

Phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025 ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm cụ thể cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các địa phương để tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa các phương án quy hoạch ngành, lĩnh vực được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự giám sát chặt chẽ, minh bạch trong quá trình thực hiện quy hoạch, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hạn chế sai sót, lãng phí và điều chỉnh kịp thời khi có phát sinh.

Đề cao và khuyến khích tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các Sở, ban, ngành và địa phương trong triển khai thực hiện; đồng thời, nghiên cứu phát triển thêm những nhân tố mới, giải pháp mới hiệu quả để triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH

1. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện các nội dung cốt lõi trong kỳ quy hoạch

1.1. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển các ngành kinh tế quan trọng

a) Đối với ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển kinh tế nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao, tạo nền tảng vững chắc cho phát

triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Triển khai trung tâm đầu mối nông nghiệp cấp vùng tại khu vực Long Xuyên; Tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Thủy lợi, giao thông, logistics, thương mại, đặc biệt là hạ tầng cơ sở, nhà máy chế biến, bảo quản lương thực, ...; Hoàn thiện hệ thống giao thông nội tỉnh kết nối đồng bộ với các tuyến huyết mạch, liên tỉnh đến các khu, cụm công nghiệp, các vùng nguyên liệu nông thủy sản tập trung và hạ tầng logistics.

Nâng cao chất lượng lao động trong nông nghiệp; Đổi mới phát triển kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã trong nông nghiệp nông thôn. Tạo môi trường sản xuất - kinh doanh thuận lợi để tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp mở rộng liên kết sản xuất - kinh doanh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao và ổn định; Nghiên cứu ứng dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp và phát triển thương hiệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp; Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, thủy sản và xúc tiến thương mại.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác để phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và theo đúng quy định pháp luật.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện đề án 01 triệu hecta lúa chất lượng cao, phát thải thấp và gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đến năm 2030 tại tỉnh An Giang; Thực hiện đạt mục tiêu dự án hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật cho lúa cacbon thấp tỉnh An Giang.

Cải thiện hạ tầng mạng lưới đường ống cấp nước nông thôn, đầu nối mạng lưới đường ống cấp nước với các nhà máy nước có công suất lớn được kêu gọi đầu tư từ khối tư nhân.

b) Đối với ngành công nghiệp

Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến công nghệ cao, thân thiện môi trường, gắn vùng nguyên liệu tập trung; phát triển công nghiệp chế tạo phục vụ các lĩnh vực nông nghiệp. Xây dựng các cụm liên kết công nghiệp chuyên ngành chế biến lương thực, thực phẩm, thúc đẩy tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Phát triển công nghiệp sản xuất điện: duy trì các nhà máy điện hiện hữu, quy hoạch phát triển mới các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo

để cung ứng điện phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; khai thác nguồn điện sinh khối; điện gió, điện mặt trời mái nhà,... đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ đốt, phát điện.

Tập trung nghiên cứu, phát triển các cụm liên kết ngành sản xuất công nghiệp hoặc các khu sản xuất tập trung, trong đó phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp tiêu biểu như:

+ Xây dựng các cụm công nghiệp xay xát, chế biến gạo và các sản phẩm từ gạo; cụm sản xuất, chế biến thủy sản (cá tra là chủ lực); cụm công nghiệp chế biến rau màu (khu vực Long Xuyên, Châu Thành, Thoại Sơn, Châu Phú, Phú Tân và Chợ Mới);

+ Xây dựng các cụm công nghiệp sản xuất, chế biến thịt, sữa và các sản phẩm từ thịt, sữa (khu vực Tịnh Biên, Tri Tôn);

+ Xây dựng cụm liên kết ngành cho các ngành may mặc, giày dép (khu vực Long Xuyên, Châu Thành, Thoại Sơn).

Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực, trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu; hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua thực hiện các chương trình cải tiến năng suất, ưu tiên cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trong ngành sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm...

c) Đối với ngành dịch vụ

Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ hiện đại, có giá trị gia tăng cao như logistics, thương mại điện tử, thương mại quốc tế, công nghệ thông tin và truyền thông, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Hợp tác các địa phương phát triển thương mại biên giới, xuất nhập khẩu, phát huy vai trò đầu mối giao thương hàng hóa của vùng với thị trường Vương quốc Campuchia và các nước ASEAN. Tập trung nguồn lực thu hút đầu tư, phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, trung tâm du lịch văn hóa, sinh thái của vùng ĐBSCL. Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông hiện đại trong phát triển du lịch.

Tập trung phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật thương mại - dịch vụ và du lịch gắn với hạ tầng giao thông đã và đang được đầu tư, xây dựng các Trung tâm Logistics tại khu vực kinh tế cửa khẩu (Tịnh Biên, Vĩnh Xương và Khánh Bình); Hạ tầng số; Hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu (Đầu tư phát triển các dự án khu chức năng như khu bảo thuế, chợ, cửa hàng miễn thuế, kho ngoại quan...).

Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại và đầu tư, nghiên cứu, phân tích, phổ biến thông tin thị trường; hỗ trợ các doanh nghiệp, các địa phương xây dựng thương hiệu, kết nối, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

Phát triển nguồn nhân lực: Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số trong doanh nghiệp; Kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử trong giao dịch

kinh doanh; Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề, đặc biệt có trình độ ngoại ngữ để đáp ứng mục tiêu phát triển du lịch tỉnh An Giang là ngành kinh tế mũi nhọn.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để phát triển các vùng kinh tế - xã hội

a) Đối với vùng trung tâm gồm khu vực Long Xuyên, Châu Thành và Thoại Sơn

Tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bao gồm: giao thông nội thành kết nối với các tuyến huyết mạch, hạ tầng khu công nghiệp, hoàn thiện hạ tầng y tế (Bệnh viện Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mất tỉnh An Giang, Bệnh viện Quân dân y tỉnh An Giang; Mở rộng Bệnh viện Tim mạch và Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang, ...); văn hóa - thể dục - thể thao (Nhà hát tỉnh, Khu liên hiệp thể dục thể thao, Sân vận động tỉnh,...), giáo dục, khu công nghệ thông tin tập trung, xây dựng Trung tâm đầu mối về nông nghiệp ĐBSCL tại An Giang có chức năng chính là thu gom, chế biến gạo, thủy sản nước ngọt, công nghiệp phụ trợ, trung tâm logistics và đào tạo nghề; phát triển lành mạnh hệ thống ngân hàng, dịch vụ tài chính, nâng cấp mở rộng Cảng Mỹ Thới đảm bảo trung chuyển hàng hóa quy mô lớn đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành hóa từ các ngành công nghiệp, đặc biệt sau khi Khu công nghiệp Vàm Cống, Khu công nghiệp Định Thành và Khu công nghiệp Bình Hòa mở rộng được đầu tư hoàn thiện sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

b) Đối với vùng kinh tế - xã hội phía Đông (gồm khu vực Tân Châu, An Phú, Phú Tân, Chợ Mới)

Triển khai thực hiện các hạ tầng hỗ trợ phát triển nông nghiệp đã được xác định trong Đề án “Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh An Giang” gắn với sự phát triển của vùng hoặc xây dựng mới Đề án phát triển nông nghiệp, thủy sản quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao để phát triển vùng theo Quy hoạch tỉnh. Sớm hoàn thiện và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh gắn với nâng cao thu nhập hướng đến làm giàu cho nông dân.

Tiếp tục thực hiện Đề án cá tra 03 cấp hướng đến xây dựng trung tâm giống cá tra chất lượng cao cấp vùng và cá thương phẩm đáp ứng nhu cầu chế biến và xuất khẩu thủy sản.

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Vĩnh Xương theo quy hoạch được duyệt, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư các lĩnh vực sản xuất, chế biến, thương mại - dịch vụ - logistics để đáp ứng nhu cầu hấp thụ vùng nguyên liệu quy mô lớn của vùng. Kêu gọi các nhà đầu tư tiềm năng tham gia vào dự án Khu du lịch Búng Bình Thiên; tranh thủ vốn tăng thu 2026-2030 và đầu tư sau 2030 đầu tư Khu thể thao dưới nước Búng Bình Thiên.

c) Đối với vùng kinh tế - xã hội phía Tây (gồm khu vực Châu Đốc, Tịnh Biên, Tri Tôn và Châu Phú)

Tập trung làm tốt và hoàn thiện công tác quy hoạch để đầu tư và thu hút đầu tư phát triển hạ tầng du lịch gắn với hạ tầng thương mại và dịch vụ chất lượng cao. Trước mắt tập trung phát triển các khu du lịch trọng điểm của tỉnh như: Khu du lịch Quốc gia Núi Sam, Khu du lịch Núi Cấm và xung quanh Núi Cấm, Rừng trà Trà Sư, Đồi Túc Dục, Khu du lịch hồ Soài Sả và các khu, điểm du lịch khác nhằm khai thác có hiệu quả, đầy đủ tiềm năng phát triển du lịch vùng Thất Sơn An Giang kết hợp với du lịch miệt vườn và sông nước và du lịch thể thao.

Tập trung đầu tư và thu hút đầu tư để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật thương mại - dịch vụ và du lịch đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu (thương hiệu địa phương, thương hiệu doanh nghiệp du lịch và sản phẩm du lịch), mang đậm bản sắc văn hóa độc đáo, đặc thù của địa phương gắn với từng hệ sinh thái đặc trưng (núi rừng, sông suối, đồng quê).

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng công nghiệp - thương mại biên giới gắn với vùng nguyên liệu và nhà máy, cơ sở sản xuất đảm bảo hấp thụ và lưu thông hàng hóa với Vương quốc Campuchia và các nước ASEAN.

1.3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để phát triển các hành lang kinh tế

a) Đối với hành lang kinh tế Châu Đốc - Long Xuyên

Tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành lập và xây dựng Trung tâm đầu mối ở An Giang gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Làm tốt công tác quy hoạch và khai thác hiệu quả các khu vực, địa bàn có các nút giao thông kết nối với Tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng tạo ra không gian mới để phát triển các khu, cụm công nghiệp; phát triển mới dân cư, mở rộng đô thị theo hướng hiện đại, thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững tại địa phương.

b) Đối với hành lang kinh tế biên giới gồm Tịnh Biên - Châu Đốc - An Phú - Tân Châu

Tham mưu các giải pháp phát triển du lịch gắn với thương mại - dịch vụ để phát triển hành lang kinh tế biên giới, thu hút các nguồn lực đầu tư vùng này trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, Đề án phát triển

thương mại biên giới, dịch vụ và logistics, các chương trình, kế hoạch phát triển đô thị và nhà ở trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, đề xuất lập quy hoạch phân khu và danh mục các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách và thu hút đầu tư.

Đẩy mạnh công tác lập quy hoạch phân khu làm cơ sở thu hút đầu tư tại các khu, điểm du lịch được quy hoạch của tỉnh, chủ yếu tập trung vào 04 khu du lịch trọng điểm, có lợi thế cạnh tranh cao trong vùng: Khu Du lịch Quốc gia Núi Sam - Miếu Bà Chúa Xứ (Châu Đốc), Khu Du lịch Núi Cấm - Rừng trà Trà Sư (Tịnh Biên), Khu di tích Quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng - Cù lao Mỹ Hòa Hưng - cồn Pháo Ba (Long Xuyên) và Khu di tích Quốc gia đặc biệt Óc Eo - Ba Thê (Thoại Sơn).

c) Đối với hành lang kinh tế dọc sông Tiền - sông Hậu

Rà soát quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thương mại - dịch vụ - logistics và phát triển du lịch để đảm bảo cơ sở pháp lý kêu gọi đầu tư theo đúng định hướng Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

1.4. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển đô thị

a) Đối với khu vực Long Xuyên

Tập trung phát triển các ngành kinh tế:

+ Thương mại - dịch vụ; Công nghiệp: Công nghiệp chế biến, cơ khí, may mặc, tăng hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng để chế biến các sản phẩm chủ lực;

+ Nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái; Nâng cao chất lượng đô thị, phát triển đô thị trên lợi thế các trục giao thông quan trọng mới đã và đang hình thành như tuyến tránh QL.91 và cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.

Tiếp tục mở rộng các khu đô thị về phía Tây, hình thành các cụm khoa học và công nghệ. Đầu tư mở rộng Khu công nghiệp Vàm Cống, xây dựng trung tâm logistics cấp vùng, cảng cạn, khu bến Mỹ Thới. Phát triển khu đô thị hỗn hợp dịch vụ dọc bờ sông Hậu. Nghiên cứu đầu tư cầu Tôn Đức Thắng tạo động lực phát triển khu vực xã Mỹ Hòa Hưng. Xây dựng trung tâm hỗ trợ nông nghiệp ở phía Đông Bắc cù lao.

b) Đối với khu vực Châu Đốc

Điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, Chương trình phát triển đô thị theo quy định. Triển khai thực hiện Đề án chống ngập úng thích ứng biến đổi khí hậu, kết hợp vệ sinh môi trường giai đoạn 2021-2035. Triển khai hoàn thiện quy hoạch và kêu gọi đầu tư để phát triển toàn diện Khu Du lịch Quốc gia Núi Sam.

Tập trung phát triển các ngành kinh tế:

+ Thương mại - dịch vụ, du lịch: Xây dựng chợ Châu Đốc, trung tâm thương mại, siêu thị, các chợ hạng II, III, đường tránh QL.91, đường Tân Lộ Kiều Lương;

+ Công nghiệp: Kêu gọi đầu tư Cụm công nghiệp Vĩnh Tế quy mô 75 ha với ngành công nghiệp chế biến nông thủy sản, thủ công mỹ nghệ...;

+ Nông nghiệp: Hình thành vùng trồng cây ăn trái, rau màu, nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

c) Đối với khu vực Tân Châu

Điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, Chương trình phát triển đô thị theo quy định; Lập các quy hoạch chi tiết làm cơ sở triển khai cải tạo, chỉnh trang, xây dựng mới các khu chức năng đô thị.

Xây dựng tuyến đường liên kết vùng đoạn từ Tân Châu đến Châu Đốc kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp (tuyến Quốc lộ N1 đoạn Tân Châu và cầu Châu Đốc); xây dựng ĐT.950 đoạn thuộc địa bàn Tân Châu; nâng cấp Quốc lộ 80B kết nối cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương với Campuchia; Xây dựng cầu Tân Châu - Hồng Ngự bắc qua sông Tiền, ĐT.951. Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Long Sơn 75 ha, Cụm công nghiệp Vĩnh Xương 20 ha, Cụm công nghiệp Long An 20 ha, Cụm Công nghiệp Châu Phong 30 ha... Đầu tư, nâng cấp hệ thống công trình y tế, giáo dục, chợ, văn hóa - thể dục thể thao...

d) Đối với khu vực Tịnh Biên

Tập trung đầu tư hạ tầng giao thông và đô thị; thương mại - dịch vụ, du lịch; chuyển đổi cây trồng gắn với phát triển du lịch; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Lập Quy hoạch phân khu các khu đô thị, khu du lịch để kêu gọi đầu tư các dự án. Xây dựng hồ chứa nước Tà Lọt, hệ thống thủy lợi vùng cao Tịnh Biên, nạo vét kênh Vĩnh Tế, nâng cấp các đường ĐT.948, ĐT.955A, giao thông đô thị, bến xe mới Tịnh Biên...

Đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đến các khu, điểm du lịch trên địa bàn. Tập trung cho công tác lập mới, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu làm cơ sở kêu gọi đầu tư Khu du lịch Núi Cấm, Khu du lịch rừng trà Trà Sư, Khu du lịch núi Trà Sư, kho hàng hóa, kho ngoại quan Trung tâm logistics cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên; bến nông sản hàng hóa, Khu công nghiệp Xuân Tô mở rộng, Cụm công nghiệp An Cư 30 ha, Cụm công nghiệp An Nông 75 ha, Cụm công nghiệp An Phú 30 ha.

1.5. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển các khu chức năng

Phát triển Khu Kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang; ưu tiên tập trung đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu An Giang bằng nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Kiến nghị Trung ương hỗ trợ về cơ

chế, chính sách và huy động nguồn lực đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu An Giang.

Khi có đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định: nâng cấp cửa khẩu chính Khánh Bình thành cửa khẩu quốc tế đường bộ và mở lối thông quan đường sông; nâng cấp cửa khẩu Bắc Đai lên cửa khẩu chính; nâng cấp khu vực đường mòn Vĩnh Gia, Vĩnh Nguơn, Khánh An thành cửa khẩu phụ.

Hình thành và phát triển hệ thống các khu, cụm công nghiệp tập trung, quy mô lớn, thuận lợi kết nối giao thông thủy bộ. Phát triển đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp với hệ thống hạ tầng xã hội và các dịch vụ phục vụ người lao động. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có công nghệ hiện đại; ưu tiên thu hút các ngành chế biến lương thực, thực phẩm có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao.

1.6. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại bao gồm mạng lưới giao thông; cấp điện; thủy lợi; thông tin và truyền thông; cấp nước, thoát nước; Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; cụ thể, tập trung các nội dung sau:

- Đường bộ Quốc gia: Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 và Quy hoạch vùng ĐBSCL tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đường địa phương: Cải tạo, nâng cấp 13 tuyến, kéo dài 06 tuyến đường hiện hữu; xây mới 06 tuyến đường tỉnh; ưu tiên xây dựng các cầu trọng điểm: cầu Năng Gù, cầu Tôn Đức Thắng, cầu Tân Châu - Hồng Ngự, cầu An Hòa và cầu Thuận Giang. Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống giao thông đô thị phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Đường thủy nội địa: đầu tư phát triển hạ tầng đường thủy phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng. Hình thành các tuyến vận tải thủy liên tỉnh, liên xã; Phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa phù hợp với các quy hoạch ngành quốc gia, đảm bảo kết nối các phương thức giao thông thủy bộ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; Phân đấu hỗ trợ các Chủ đầu tư dự án nguồn điện, lưới điện vận hành bảo đảm tiến độ được phê duyệt. Cập nhật, triển khai đồng bộ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023.

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật phục vụ chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi, cấp nước, thoát nước: Xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, an ninh nguồn nước. Triển khai thực hiện các chương trình, dự án quan trọng như: hệ thống thủy lợi phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn vùng Bắc Vàm Nao; kiểm soát lũ Vàm Nao; hệ thống các hồ chứa nước vùng núi; hệ thống hồ trữ ngọt gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiêu vùng Tứ giác Long Xuyên; Xây dựng mới hồ chứa nước ở vùng cao phục vụ đa mục tiêu; Nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh trục vùng Tứ giác Long Xuyên; Kè chống sạt lở bờ sông Hậu bảo vệ khu vực Long Xuyên; Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực Châu Đốc thích ứng với biến đổi khí hậu; Kè Cái Sắn Mỹ Thạnh; Các kè xử lý sạt lở bờ sông, kênh trên địa bàn tỉnh An Giang gắn với hạ tầng dân cư.

1.7. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

Tập trung đầu tư trang thiết bị, xây dựng mạng lưới y tế tỉnh đồng bộ, hiện đại từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh cho tuyến y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Phát triển khu vực Long Xuyên trở thành một trong những trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe của khu vực ĐBSCL.

Đầu tư, trang bị cơ sở vật chất và nhân lực phát triển thể dục, thể thao trường học; phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao (Nhà hát tỉnh, Sân vận động tỉnh, Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao, Khu liên hiệp thể dục thể thao, Nhà thi đấu thể thao tỉnh, Hồ bơi cấp tỉnh, Đường đua xe đạp địa hình, Khu thể thao dưới nước Búng Bình Thiên).

Tập trung đầu tư, hình thành, phát triển mạng lưới khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn các tổ chức khoa học, công nghệ theo hướng tăng quy mô, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động. Đến năm 2030, các tổ chức khoa học, công nghệ công lập, gồm: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và Trung tâm Công nghệ sinh học.

1.8. Nhiệm vụ và giải pháp để hoàn thiện, đồng bộ hệ thống các quy hoạch

Tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh và bổ sung các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các Quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch.

Chủ động nghiên cứu xây dựng các nhiệm vụ, đề án, kế hoạch thay thế (nếu cần thiết) để đảm bảo duy trì ổn định công tác quản lý nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh.

Ưu tiên bố trí nguồn lực để lập và hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch phân khu phát triển đô thị - thương mại - dịch vụ, quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, khu chức năng của khu kinh tế cửa khẩu.

1.9. Nhiệm vụ và giải pháp tăng cường công tác bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên bền vững

Thực hiện đồng bộ các giải pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp và vùng sản xuất tập trung. Rà soát, bổ sung chính sách về quản lý chất thải, khí thải và nước thải; tăng cường ứng dụng công nghệ xử lý hiện đại, thân thiện với môi trường.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm môi trường; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng. Thực hiện các chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức trên địa bàn tỉnh.

1.10. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các ngành mũi nhọn của tỉnh. Rà soát, cập nhật nhu cầu lao động theo từng lĩnh vực, ngành nghề để làm cơ sở định hướng đào tạo. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động, đặc biệt trong các ngành thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng, logistics, du lịch và dịch vụ.

Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, nâng cao kỹ năng cho người lao động thông qua hợp tác với các trường nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học. Ưu tiên hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ cho lực lượng lao động tại chỗ, lao động trẻ và lao động ở khu vực nông thôn.

Đồng thời, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ về nhà ở, y tế, giáo dục, văn hóa... nhằm đảm bảo điều kiện sống và làm việc ổn định, lâu dài cho người lao động, đặc biệt tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và vùng sâu, vùng xa. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn nhân lực, bảo đảm phân bổ hợp lý và phát huy tối đa năng lực đội ngũ lao động trên toàn tỉnh.

1.11. Nhiệm vụ và giải pháp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

Tập trung thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong toàn tỉnh, nhất là trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ logistics, giáo dục và y tế. Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sạch, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh.

Thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, quản lý tài nguyên môi trường, giao thông và logistics.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; xây dựng nền tảng hạ tầng số đồng bộ, kết nối liên thông giữa các cấp, ngành. Tăng cường đầu tư và triển khai mô hình chính quyền số, đô thị thông minh, phát triển hạ tầng dữ liệu, nền tảng dịch vụ công trực tuyến và đô thị thông minh An sinh xã hội

1.12. Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo đa chiều bền vững, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nhất là người có công, người nghèo, đối tượng yếu thế và đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường huy động các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát trước năm 2025; triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương.

Nâng cao chất lượng hệ thống y tế cơ sở, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo nghề cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, đảm bảo tính bao phủ, đa dạng, tiếp cận kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

1.13. Nhiệm vụ và giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ tỉnh, các địa phương trên địa bàn tỉnh vững chắc; nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, khả năng sẵn sàng chiến đấu và xử lý các tình huống quốc phòng, an ninh. Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các lực lượng trong bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là tại các địa bàn trọng điểm, khu vực biên giới, cửa khẩu. Tăng cường công tác quản lý cư trú, phòng chống tội phạm, nhất là các loại tội phạm công nghệ cao, ma túy, buôn lậu, gian lận thương mại qua biên giới.

Phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang địa phương trong tham mưu, phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh biên giới, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn. Đồng thời, triển khai hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh với Campuchia, tăng cường hợp tác trong quản lý biên giới, giữ gìn hòa bình và ổn định khu vực.

2. Phân công nhiệm vụ các Sở, ngành, địa phương

Ủy ban nhân dân tỉnh giao các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao căn cứ các mục tiêu, định hướng tại Quy hoạch tỉnh và các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ động tham mưu triển khai các nhiệm vụ theo phân công sau: *(Phụ lục kèm theo)*.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành và lãnh đạo các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chương trình, đề án hoặc kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh. Trong đó, xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, hoàn thành; trọng tâm là các danh mục các dự án, công trình nêu tại các Phụ lục kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Định kỳ trước ngày 20 tháng cuối quý, 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính), để theo dõi, tổng hợp.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ, đột xuất tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này, kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, trường hợp có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I
Phân công nhiệm vụ từng Sở, ngành, địa phương
(Kèm theo Quyết định số 868 /QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
1	Sở Tài chính	
1.1	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.2	Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, địa phương để đầu tư các dự án trọng điểm về kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông, thủy lợi, năng lượng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị và kết cấu hạ tầng xã hội.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.3	Xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích đầu tư nhằm huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi đôi với các chính sách ưu đãi đầu tư nhằm tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.4	Xây dựng, ban hành chính sách đột phá phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư lớn để phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược, giao thông kết nối 03 vùng kinh tế - xã hội, 03 hành lang kinh tế, phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, kinh tế nông nghiệp, du lịch, Khu kinh tế cửa khẩu An Giang.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.5	Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tăng cường hợp tác công - tư (PPP); cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tập trung phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp FDI.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.6	Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình hợp tác, liên kết vùng, liên vùng: Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
1.7	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác và tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; xây dựng các cơ chế, chính sách huy động nguồn thu. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng, rà soát xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng đồng bộ, hiện đại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.8	Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Triển khai hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm nhằm thu hút làn sóng đầu tư mới có chất lượng để phát triển khu kinh tế cửa khẩu, khu, cụm công nghiệp, du lịch, dịch vụ, sản xuất và chế biến nông sản mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.9	Chuẩn bị tốt, tạo điều kiện thuận lợi nhất (địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nguồn nhân lực...) để thu hút các nhà đầu tư vào tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.10	Cân đối, bố trí nguồn lực tài chính thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ, dự án... theo quy định phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước, để hiện thực hóa các mục tiêu, định hướng phát triển, giải pháp theo Quy hoạch tỉnh được duyệt.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.11	Tập trung ưu tiên bố trí vốn cho công tác lập, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo đề xuất của Sở, ban, ngành và các địa phương để đảm bảo các điều kiện pháp lý triển khai thực hiện dự án và kêu gọi đầu tư.	Sở Xây dựng; các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.12	Triển khai đồng bộ, hiệu quả các biện pháp thu ngân sách, quản lý chặt chẽ nguồn thu, tăng cường khai thác hiệu quả hơn các nguồn thu còn dư địa trên cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước.	Các địa phương

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
1.13	Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới, sáng tạo; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Nội vụ, các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
1.14	Ưu tiên bố trí nguồn lực để lập và hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch phân khu phát triển đô thị - thương mại - dịch vụ, các khu chức năng của khu kinh tế cửa khẩu.	Sở Xây dựng và địa phương liên quan
2	Sở Xây dựng	
2.1	Chịu trách nhiệm về công tác triển khai và kết quả thực hiện phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn trên địa bàn; phương án phát triển mạng lưới giao thông theo Quy hoạch tỉnh và các nội dung khác theo nhiệm vụ được phân công, quản lý đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương thực hiện Kết luận số 127-KL/TW.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
2.2	Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đô thị quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.	Các địa phương
2.3	Đề xuất triển khai các dự án hạ tầng giao thông liên tỉnh, liên vùng theo quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được phê duyệt.	Các địa phương
2.4	Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng, củng cố cơ sở hạ tầng nông thôn (giao thông, y tế, giáo dục, nước sạch, thông tin truyền thông).	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
2.5	Nghiên cứu áp dụng các mô hình quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn phù hợp với thực tiễn của tỉnh như mô hình đô thị thông minh, đô thị xanh, đô thị sinh thái, đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, qua đó nâng cao chất lượng phát triển đô thị, cũng như năng lực quản lý và thực thi của chính quyền.	Các Sở, ban ngành tỉnh và địa phương liên quan
2.6	Ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn nhằm bảo đảm sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện với môi trường; bảo tồn bản sắc văn hóa, kiến trúc, cảnh quan khu vực đô thị, nông thôn.	Các địa phương

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
2.7	Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm trở thành các đô thị động lực, hiện đại, thông minh, tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị.	Các địa phương Long Xuyên, Châu Đốc, Tân Châu, Tịnh Biên
2.8	Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 558/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Các địa phương
2.9	Đẩy mạnh phát triển thị trường bất động sản an toàn, lành mạnh; huy động các nguồn vốn xã hội hóa phát triển nhà ở xã hội, văn phòng cho thuê, các cao ốc hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị, nhất là trên địa bàn khu vực Long Xuyên, Châu Đốc, Tân Châu và Tịnh Biên.	Các địa phương
2.10	Nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai lập quy hoạch và phương án khai thác hiệu quả các khu vực, địa bàn có các nút giao thông kết nối với Tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng tạo ra không gian mới để phát triển thêm khu, cụm công nghiệp, phát triển mới dân cư, mở rộng đô thị theo hướng hiện đại, thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững tại địa phương.	Các địa phương
2.11	Phát triển mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải quốc gia, đồng bộ, hiện đại, liên thông và kết nối thúc đẩy liên kết vùng, bảo đảm an toàn giao thông, thuận tiện và thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Các địa phương
2.12	Tập trung ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng gắn với các hành lang phát triển kinh tế, khu đô thị động lực,... hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị động lực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.	Các địa phương
2.13	Tổ chức rà soát, cắm mốc lộ giới các tuyến đường theo quy hoạch; phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu đầu tư xây dựng các tuyến đường tỉnh, đặc biệt là các tuyến mở mới để cụ thể hóa định hướng tổ chức không gian phát triển đã được xác định trong quy hoạch; các tuyến đường kết nối nút giao cao tốc với các trung tâm kinh tế động lực, các đô thị trên địa bàn tỉnh.	Các địa phương

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
3	Sở Công Thương	
3.1	Chịu trách nhiệm về: - Công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng phát triển ngành công nghiệp, dịch vụ (thương mại); phát triển các khu chức năng gồm hệ thống, cụm công nghiệp; phương án phát triển mạng lưới cấp điện; phương án phát triển, thương mại, triển lãm, hội chợ theo Quy hoạch tỉnh. - Công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội của vùng trung tâm gồm: địa bàn Long Xuyên, Châu Thành và Thoại Sơn; hành lang kinh tế Châu Đốc - Long Xuyên.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
3.2	Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định của Điều 59 Luật Quy hoạch năm 2017.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
3.3	Mở rộng hợp tác quốc tế, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong tỉnh tiếp tục duy trì và thâm nhập các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU,... Đặc biệt, hợp tác hiệu quả với nước bạn Campuchia.	Văn phòng UBND tỉnh
3.4	Tham mưu tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp đã được ban hành như chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh An Giang đến năm 2030; cơ chế, chính sách thu hút và mở rộng sản xuất các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh, trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, tạo động lực công nghiệp phát triển.	Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và địa phương liên quan
3.5	Đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, đưa công nghiệp chế biến, chế tạo thực sự trở thành một trụ cột tăng trưởng của tỉnh với các lĩnh vực chính gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp dệt may, giấy da.	Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
3.6	Đẩy mạnh chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, nhất là trong khu vực chế biến, chế tạo; tiếp tục rà soát tình hình đầu tư các dự án công nghiệp trọng điểm trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án có giá trị gia tăng cao; kịp thời xử lý các vướng mắc về đầu tư tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh để đảm bảo quỹ đất bố trí cho dự án thứ cấp triển khai đầu tư xây dựng, tạo dư địa tăng trưởng cho năm 2025 và các năm tiếp theo.	Sở Tài chính, Sở Xây dựng và địa phương liên quan
3.7	Tham mưu các giải pháp phát triển đồng bộ hạ tầng thương mại dịch vụ, trọng tâm là thu hút đầu tư các dự án trung tâm thương mại có quy mô lớn. Chủ trì, phối hợp với các địa phương kêu gọi đầu tư, nâng cấp hệ thống các chợ theo quy hoạch, đáp ứng yêu cầu giao lưu thương mại trong tỉnh. Tham mưu triển khai phương án phát triển hệ thống các kho xăng dầu, khí hóa lỏng theo quy hoạch.	Các địa phương
3.8	Xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn điện trên địa bàn nhằm phục vụ sinh hoạt, hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, chiến lược, giải pháp phát triển điện lực; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện các chủ trương, chính sách, chiến lược, giải pháp phát triển điện lực đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang.	Công ty Điện lực An Giang
4	Ban Quản lý Khu Kinh tế	
4.1	Chịu trách nhiệm về công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội của hành lang biên giới Tịnh Biên - Châu Đốc - An Phú - Tân Châu.	Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
4.2	Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển vào Khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh và các khu công nghiệp. Xây dựng lộ trình thu hút đầu tư phát triển các khu công nghiệp. Chủ động tham mưu đẩy nhanh tiến độ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án các khu công nghiệp khi có đủ điều kiện thành lập; tham mưu chỉ đạo hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư.	Sở Tài chính, Sở Công Thương; các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
4.3	Tiếp tục xây dựng hoàn thiện trình cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án đầu tư Khu kinh tế cửa khẩu An Giang và chủ trì triển khai thực hiện có hiệu quả; tiếp tục xây dựng, phát triển và thu hút đầu tư các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất thu hồi trong khu công nghiệp, khu chức năng thuộc khu kinh tế cửa khẩu để tạo quỹ đất mời gọi đầu tư. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư xây dựng Trung tâm logistics cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên; Trung tâm logistics và các khu chức năng tại địa bàn An Phú.	Sở Công Thương, Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
4.4	Triển khai lập mới, điều chỉnh và trình phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng các khu công nghiệp; quy hoạch chung xây dựng quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng thuộc khu kinh tế cửa khẩu làm cơ sở quản lý quy hoạch và kêu gọi đầu tư xây dựng. Chủ động tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng và đẩy mạnh các hoạt động thu hút các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, hạ tầng các khu chức năng thuộc khu kinh tế cửa khẩu sau khi quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đôn đốc nhà đầu tư được lựa chọn triển khai xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp và các khu chức năng thuộc khu kinh tế cửa khẩu	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
4.5	Nghiên cứu, đề xuất Trung ương ban hành cơ chế chính sách đặc thù nhằm huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển k u kinh tế cửa khẩu; đồng thời, ưu tiên tập trung bố trí nguồn lực đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021-2025 và sau năm 2025 để phát triển kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1804/TTg-CN ngày 18 tháng 12 năm 2020.	Sở Tài chính và địa phương liên quan
5	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.1	Chịu trách nhiệm về công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng phát triển lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo chuyển đổi số; phương án phát triển mạng lưới tổ chức khoa học, công nghệ và các nội dung khác theo nhiệm vụ được phân công, quản lý đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
5.2	Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Trong đó tập trung vào công nghệ sinh học, được liệu, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu nông sản; nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các chính sách về nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; xác lập, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và địa phương liên quan
5.3	Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội; xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số và xây dựng đô thị thông minh.	Sở Xây dựng và địa phương liên quan
5.4	Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông đầu tư, phát triển hạ tầng băng rộng cố định, nâng cấp hạ tầng mạng thông tin di động 4G, phát triển hạ tầng mạng thông tin di động 5G đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số; thực hiện ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi theo quy hoạch.	Sở Xây dựng và địa phương liên quan
5.5	Triển khai Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề ưu tiên bố trí các nguồn lực thực hiện các dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh An Giang phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông đã được phê duyệt, đảm bảo việc triển khai Quy hoạch được đồng bộ, hiệu quả.	Sở Tài chính và địa phương liên quan
5.6	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	
6.1	Chịu trách nhiệm về công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng phát triển lĩnh vực giáo dục và đào tạo; phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo theo Quy hoạch tỉnh và các nội dung khác theo nhiệm vụ được phân công, quản lý đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
6.2	Chịu trách nhiệm về công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng phát triển lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, an sinh xã hội; phương án phát triển mạng lưới tổ chức cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội và các nội dung khác theo nhiệm vụ được phân công, quản lý đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
6.3	Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.	Sở Y tế và địa phương liên quan
6.4	Tổ chức lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
6.5	Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có tay nghề, kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; đẩy mạnh đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp; có cơ chế chính sách bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động làm việc, sinh sống lâu dài trên địa bàn. Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế, đặc biệt đối với các ngành quan trọng, thủy sản, nông nghiệp hữu cơ, du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, logistics.	Sở Công Thương và địa phương liên quan
6.6	Đầu tư, nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng mạng lưới trường, lớp học; đẩy mạnh kêu gọi, thu hút các tập đoàn giáo dục, cơ sở giáo dục lớn, có uy tín trong nước thành lập cơ sở tại tỉnh An Giang.	Sở Tài chính và địa phương liên quan
6.7	Tiếp tục xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, cơ cấu bộ môn; bảo đảm các điều kiện về trình độ chuyên môn. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp học về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và quản lý nhà nước, đảm bảo có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ vị trí công tác.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
6.8	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc dạy và học; thường xuyên đổi mới phương thức dạy và học, lấy người học làm trung tâm, gắn giáo dục lý thuyết với thực hành thực tiễn để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.	Các địa phương
7	Sở Y tế	
7.1	Chịu trách nhiệm về công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng phát triển lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe và các nội dung khác theo nhiệm vụ được phân công, quản lý đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
7.2	Phát triển mạng lưới các cơ sở y tế theo quy hoạch; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Xây dựng hoàn chỉnh và nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật.	Các địa phương
7.3	Kêu gọi đầu tư các cơ sở y tế ngoài công lập theo quy hoạch mạng lưới y tế của tỉnh đảm bảo cung cấp các dịch vụ chất lượng cao, chăm sóc sức khỏe người dân.	Sở Tài chính và địa phương liên quan
7.4	Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp về số lượng, quy mô, cơ cấu, loại hình cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.	Các địa phương
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8.1	Chịu trách nhiệm về: - Công tác triển khai và kết quả thực hiện phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai; Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu theo Quy hoạch tỉnh và các nội dung khác theo nhiệm vụ được phân công, quản lý đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh. - Công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước theo Quy hoạch tỉnh và các nội dung khác theo nhiệm vụ được phân công, quản lý đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh. - Công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội của vùng kinh tế - xã hội phía Đông bao gồm: địa bàn Tân Châu, An Phú, Phú Tân, Chợ Mới, tập trung sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản hàng hóa quy mô lớn của tỉnh; các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo, trung chuyển hàng hóa với thị trường Vương quốc Campuchia (qua cửa khẩu Vĩnh Xương và Khánh Bình).	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
8.2	Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định, chính sách cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao nhận thức cộng đồng và vấn đề xã hội hóa trong bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường.	Các địa phương
8.3	Tăng cường nguồn lực và các giải pháp; đẩy mạnh thông tin, truyền thông về bảo vệ môi trường; xây dựng quy chế quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm, tính đúng tính đủ các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải tiên tiến và phù hợp với thực tế tại địa phương.	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ và địa phương liên quan
8.4	Tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh và triển khai việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm nhằm đảm bảo điều kiện pháp lý triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương thực hiện Kết luận số 127-KL/TW.	Các địa phương
8.5	Tổ chức thực hiện khoanh vùng các mỏ tài nguyên khoáng sản theo quy hoạch được duyệt; xây dựng lộ trình cấp phép, đấu giá, khai thác các mỏ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng thời kỳ, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng tài nguyên, khoáng sản được phân bổ và nội dung Quy hoạch tỉnh.	Các địa phương
8.6	Tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải; tham mưu, rà soát báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng thời kỳ, giai đoạn phát triển của tỉnh.	Sở Tài chính và địa phương liên quan
8.7	Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện đang còn hiệu lực thi hành, đẩy mạnh nghiên cứu tham mưu các cơ chế, chính sách phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo quy trình sản xuất tiên tiến (VietGap, GlobalGap, theo hướng hữu cơ...), sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng và các chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
8.8	Đẩy mạnh quá trình tập trung đất đai nhằm phục vụ cho phát triển các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, phát triển chăn nuôi, thủy sản tập trung tại các địa phương phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh được duyệt. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Chương trình mỗi xã một hoặc nhiều sản phẩm (OCOP).	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
8.9	Đầu tư hoàn thiện hệ thống kè sông, các công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy hoạch, tập trung vào các khu vực dễ bị ảnh hưởng; đầu tư hoàn thiện các phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng các khu vực có khả năng xảy ra sạt lở để tham mưu giải pháp di dời, bố trí sắp xếp dân cư bảo đảm an toàn.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
8.10	Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo; xóa nhà tạm, nhà dột nát; cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, nhóm yếu thế, đặc biệt là tại các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc ít người. Thực hiện đồng bộ các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế, hỗ trợ tiếp cận thị trường tiêu thụ, phù hợp với các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn để thúc đẩy phát triển sản xuất gắn với giảm nghèo bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước khu vực 15; Chi cục Thuế khu vực XIX và địa phương liên quan
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
9.1	Chịu trách nhiệm về: - Công tác triển khai và kết quả thực hiện phương án phát triển lĩnh vực du lịch - Công tác triển khai và kết quả thực hiện phương hướng tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch của vùng kinh tế - xã hội phía Tây bao gồm: địa phương Châu Đốc, Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Phú; hành lang kinh tế dọc sông Tiền - sông Hậu. - Các nội dung khác theo nhiệm vụ được phân công, quản lý đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh. - Triển khai công tác quản lý nhà nước đối với các khu du lịch; khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao theo Quy hoạch tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
9.2	Huy động nguồn lực để cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm đúng tiêu chí, định mức quy định. Phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng đồng bộ hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao cho công nhân tại Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh và các khu, cụm công nghiệp. Đầu tư, đào tạo, bồi dưỡng có chọn lọc các môn thể thao thành tích cao. Khuyến khích xã hội hóa phát triển thể dục, thể thao.	Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
9.3	Tham mưu các giải pháp bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững. Quan tâm tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia, di tích cấp tỉnh đã xếp hạng và các di tích khác gắn với phát triển du lịch.	Sở Xây dựng và địa phương liên quan
9.4	Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh du lịch được giao làm đầu mối theo dõi, nhất là các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh; tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư mới các dự án hạ tầng du lịch, trọng tâm là các dự án phát triển các loại hình du lịch chính của tỉnh là du lịch văn hóa, sinh thái.	Sở Tài chính và địa phương liên quan
9.5	Nâng cao chất lượng các chương trình du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, có thương hiệu, có lợi thế và khả năng cạnh tranh với các tỉnh, thành phố trong cả nước; đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh, thành phố, các công ty du lịch lớn để hình thành, liên kết phát triển các tour, tuyến du lịch kết nối An Giang với Thành phố Hồ Chí Minh, các Khu, điểm du lịch trong vùng ĐBSCL.	Các địa phương
9.6	Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp phát triển du lịch gắn với thương mại - dịch vụ để phát triển Vùng kinh tế - xã hội phía Tây và Hành lang kinh tế biên giới nhằm làm cơ sở thu hút các nguồn lực đầu tư vùng này trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế.	Các địa phương
10	Sở Nội vụ	
10.1	Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân theo quy định	
10.2	Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
10.3	Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đô thị hóa của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.	Các địa phương

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
10.4	Tham mưu các giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định, góp phần xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh thực hiện việc tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tinh gọn lại bộ máy bên trong các cơ quan, đơn vị để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
10.5	Khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các đề án sắp xếp, tinh gọn bộ máy từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ và bảo đảm tính khoa học, hợp lý, khả thi và hiệu quả.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
11	Sở Dân tộc và Tôn giáo	
11.1	Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương triển khai các chương trình, dự án thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
11.2	Phối hợp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật về quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
11.3	Gắn kết công tác dân tộc, tôn giáo với các chương trình về an sinh xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số và các tôn giáo trên địa bàn tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
12	Công an tỉnh	
12.1	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; kiên quyết đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội phạm can dự vào các hoạt động kinh tế, tội phạm chính trị, tội phạm an ninh mạng, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế phát triển.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
12.2	Thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội; xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
12.3	Hoàn thành việc đầu tư trụ sở công an các xã trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính và địa phương liên quan
12.4	Quản lý chặt chẽ hoạt động của người nước ngoài; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh, cư trú; tăng cường quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cư trú; siết chặt quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ,... Đảm bảo an ninh, an toàn tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất doanh nghiệp FDI.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
13	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
13.1	Xây dựng lực lượng Quân đội nòng cốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng an ninh phục vụ yêu cầu công tác quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
13.2	Triển khai thực hiện Quy hoạch xây dựng hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
13.3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ vững chắc, nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang. Xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh theo hướng nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu, công tác huấn luyện tác chiến, triển khai hiệu quả đề án, kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự trên địa bàn toàn tỉnh.	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
14	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	
14.1	Thực hiện tốt ngày biên phòng toàn dân, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
14.2	Tổ chức khảo sát thực địa để đánh giá sự cần thiết và đề xuất số lượng cấm các cọc đánh dấu, điểm đặc trưng theo Công văn số 268/UBBG-BGDL-m ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Biên giới quốc gia/Bộ Ngoại giao về việc đề nghị của phía Campuchia cấm các cọc đánh dấu điểm đặc trưng từ Mốc 254 (địa bàn Đồn Biên phòng Nhơn Hội/BĐBP tỉnh An Giang) đến Mốc 290 (Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang) được ghi nhận tại Điều 4 Nghị định thư năm 2019 (dự kiến cấm 158 cọc). Xác định ranh giới các khu vực quân sự cần được bảo vệ. Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
15	Và địa phương liên quan	
15.1	Căn cứ phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh gồm: 03 vùng kinh tế - xã hội và 03 hành lang kinh tế; từng địa phương nghiên cứu tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội đảm bảo phù hợp định hướng tại Quy hoạch tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
15.2	Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức rà soát, đánh giá lại các chương trình, đề án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các chương trình, đề án, chính sách để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tỉnh.	
15.3	Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu rà soát, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất hằng năm phù hợp với Quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương thực hiện Kết luận số 127-KL/TW.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
15.4	Rà soát các quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, nông thôn để lập mới hoặc đề xuất điều chỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương thực hiện Kết luận số 127-KL/TW; trọng tâm là cụ thể hóa các nội dung đã được nêu trong phương án quy hoạch xây dựng và phương án phát triển đô thị.	Sở Xây dựng và địa phương liên quan
15.5	Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất; kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án mới vào các ngành, lĩnh vực địa phương, đơn vị có lợi thế; đôn đốc các nhà đầu tư, doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng cho đầu tư phát triển.	Sở Nội vụ; Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
16	Báo An Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	
16.1	Tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tin bài, phóng sự... quảng bá, giới thiệu về Quy hoạch tỉnh và quá trình, kết quả triển khai Quy hoạch tỉnh. Thông tin, phản ánh kịp thời những kết quả, thành tựu nổi bật trong quá trình thực hiện Quy hoạch tỉnh của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
17	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh	
17.1	Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh tới các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh, các tổ chức liên quan, nhà đầu tư, đối tác phát triển để tạo nền tảng nhận thức thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan
17.2	Phát huy giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện Quy hoạch tỉnh của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân phản ánh đến các cấp, các ngành góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương liên quan

